TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUANG BÌNH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HS-ST
Ngày 20 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Huệ.

2. Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T1; sinh ngày 02/02/1971 tại huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn K xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 034071xxxxxx, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 16/4/2021; trình độ văn hóa: 2/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn A1 (đã chết) và bà Trần Thị B1; có vợ là Trần Thị C1 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị xử phạt 10 năm tù về tội Hiếp dâm, theo Bản án số 37/2007/HSST ngày 20/9/2007 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang (án tích đã được xóa); bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 12/6/2024, tạm giam ngày 21/6/2024, hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ của Công an huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Nguyễn Văn T2; sinh ngày 15/8/1994 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Tr, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002094xxxxxx, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 29/9/2022; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim A2 và bà Hoàng Thị B2; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị xử phạt 03 năm tù về tội Cướp tài sản, theo Bản án số 10/2012/HSST ngày 13/12/2013 của Tòa án nhân

dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang (án tích đã được xóa); bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 11/6/2024, tạm giam ngày 20/6/2024, hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ của Công an huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. Hoàng Thế N; sinh ngày 25/9/1990 tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Th, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002090xxxxxx, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 28/4/2021; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn A3 (đã chết) và bà Hoàng Thị B3; có vợ là Bùi Thị C2 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 11/6/2024, tạm giam ngày 20/6/2024, hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ của Công an huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bùi Thị C2; sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn K xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút, ngày 11/6/2024, tại km 18 + 600 đường liên xã *(hướng xã VQ - xã XG)* thuộc thôn Chàng M, xã YH, huyện Q, tỉnh Hà Giang, tổ công tác Công an huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang phát hiện Hoàng Thế N, sinh năm 1990, trú tại thôn Th, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (viết tắt là BKS) 21C1-335.11 chở Nguyễn Văn T2, sinh năm 1994, trú thôn Tr, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang, có biểu hiện nghi vấn; tổ công tác tiến hành kiểm tra phát hiện Nguyễn Văn T2 cầm trên tay phải 02 *(hai)* gói giấy bạc bên trong có chứa chất bột màu trắng, dạng cục *(nghi là ma túy, loại heroine)*. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Nguyễn Văn T2 và Hoàng Thế N khai nhận chất bột màu trắng dạng cục là ma túy loại Heroine, N đi cùng T2 mua của Trần Văn T1, sinh năm 1971, trú thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái, mục đích để sử dụng.

Khám xét khẩn cấp trên người và chỗ ở của Trần Văn T1 sinh năm 1971, trú thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái, Trần Văn T1 tự nguyện giao nộp 01 *(một)* gói giấy bạc bên trong có chất bột dạng cục màu trắng *(nghi là ma túy, loại heroine)*. Khám xét thu giữ 01 *(một)* gói chất màu đen dạng cục *(nghi là ma túy, loại thuốc phiện)*, 01 *(một)* cân điện tử *(cân tiểu ly)*, 01 *(một)* cuộn giấy bạc màu trắng và số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

Quá trình điều tra đã chứng minh được:

Khoảng 10 giờ ngày 11/6/2024, Trần Văn T1 một mình bắt xe khách đi đến khu vực nghĩa trang thuộc tổ 1, thị trấn YT, huyện L, tỉnh Yên Bái, gặp một người đàn ông khoảng 35 tuổi, dáng người gầy, đeo khẩu trang, mặc quần áo tối màu *(Trần Văn T1 không biết tên tuổi, địa chỉ)*, T1 hỏi và mua của người này 01 *(một)* gói ma túy loại Heroine với số tiền 700.000đ *(bảy trăm nghìn đồng)*, rồi T1 đi về nhà. Khi về nhà T1 lấy một ít ma túy vừa mua được để sử dụng bằng hình thức hít, số còn lại T1 gói lại để ở trong rổ nhựa trên bàn ở góc nhà bếp với mục đích để sử dụng và bán.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T2 gọi điện cho Hoàng Thế N nhờ N ra thị trấn VT, huyện B, tỉnh Hà Giang để đón T2. N đồng ý, điều khiển xe mô tô BKS 21C1 - 335.11 *(của vợ là Bùi Thị C2, sinh năm 1983, trú tại trú thôn K xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái; khi lấy xe mô tô đi N không nói cho chị C2 biết đi đâu, làm gì)* đi từ thôn K xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái ra thị trấn VT, huyện B, tỉnh Hà Giang đón Nguyễn Văn T2 rồi đi về theo đường tỉnh lộ 183. Do Nguyễn Văn T2 và Hoàng Thế N đều là người nghiện chất ma túy nên trên đường về Nguyễn Văn T2 bảo Hoàng Thế N đi vào nhà Trần Văn T1 để mua chất ma túy về cùng nhau sử dụng, N đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, N chở Nguyễn Văn T2 đến nhà Trần Văn T1; N và Nguyễn Văn T2 đi thẳng vào nhà bếp; Nguyễn Văn T2 nói với Trần Văn T1 *"chú có ma túy bán cho cháu ba trăm nghìn"*, ý là mua ma túy Heroine với giá 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng),* Trần Văn T1 đồng ý, Nguyễn Văn T2 đưa cho Trần Văn T1 số tiền 300.000 đồng là tiền riêng của Nguyễn Văn T2. Trần Văn T1 lấy gói ma túy trước đó mua ở tổ 1, thị trấn YT, huyện L, tỉnh Yên Bái, được để trong rổ nhựa ra, chia thành 02 gói nhỏ rồi đưa cho Nguyễn Văn T2 01 gói bên trong chứa ma túy Heroine, còn 01 gói T1 để trong rổ nhựa trên bàn ở góc bếp. Khi trao đổi mua bán ma túy thì Hoàng Thế N đứng cạnh chứng kiến. Sau khi bán ma túy cho Nguyễn Văn T2 xong, Trần Văn T1 đi ra khỏi nhà đến xưởng gỗ để làm việc, còn Nguyễn Văn T2 lấy một phần ma túy vừa mua được ra cùng Hoàng Thế N sử dụng bằng hình thức hít ở tại nhà bếp của Trần Văn T1. Sau khi sử dụng ma túy xong, Nguyễn Văn T2 chia số ma túy còn lại thành 02 gói nhỏ cầm trên tay; Hoàng Thế N đứng cạnh và chứng kiến toàn bộ quá trình này. N điều khiển xe mô tô BKS 21C1 - 335.11 chở Nguyễn Văn T2 cùng 02 gói ma túy đi về, trên đường về đến thôn Chàng M, xã YH, huyện Q, tỉnh Hà Giang bị tổ công tác Công an huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang phát hiện, bắt quả tang.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy có trong nước tiểu của Nguyễn Văn T2, Hoàng Thế N và Trần Văn T1, kết quả đều dương tính với chất ma túy nhóm MOP.

Tiến hành cân tịnh xác định khối lượng các chất nghi là ma túy, kết quả:

+ Chất bột màu trắng (dạng cục) nghi là ma túy thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Văn T2 có khối lượng 0,309 và 0,041 gam (ký hiệu gửi giám định A1, A1.1).

+ Chất bột màu trắng (dạng cục) nghi là ma túy do Trần Văn T1 giao nộp có khối lượng 0,046 gam (ký hiệu gửi giám định A4).

+ Chất màu đen (dạng cục) nghi là ma túy thu giữ trong quá trình khám xét tại nhà Trần Văn T1, có khối lượng 0,506 gam (ký hiệu gửi giám định A5).

Kết luận giám định số 266/KL-KTHS ngày 18/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang đã kết luận:

"Mẫu gửi giám định ký hiệu A1, A1.1 là ma túy, loại Heroin *(Heroine),* có tổng khối lượng là 0,350g *(không phẩy ba trăm năm mươi gam)*.

Mẫu gửi giám định ký hiệu A4 là ma túy, loại Heroin *(Heroine)*, có khối lượng là 0,046g *(không phẩy không trăm bốn mươi sáu gam)*.

Heroin *(Heroine)* có tên khoa học là Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi bổ sung năm 2017)* và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Mẫu gửi giám định ký hiệu A5 là ma túy, loại nhựa Thuốc phiện, có khối lượng là 0,506g *(không phẩy năm trăm linh sáu gam)*.

Thuốc phiện nằm trong danh mục I, mục ID, số thứ tự 3, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất".

Đối với 03 tờ tiền tổng trị giá 300.000 đồng thu giữ của Trần Văn T1 thì theo Kết luận giám định số 253/KL-KTHS ngày 10/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang, đây đều là tiền thật.

Đối với việc Trần Văn T1 khai nhận mua chất ma túy của người đàn ông khoảng 35 tuổi dáng gầy, mặc quần áo tối mầu, đeo khẩu trang *(không biết tên, tuổi, địa chỉ)* tại khu vực nghĩa trang thuộc tổ 1, thị trấn YT, huyện L, tỉnh Yên Bái, quá trình điều tra chưa xác định được đối tượng trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang đã tách các tài liệu liên quan tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với việc Nguyễn Văn T2, Hoàng Thế N và Trần Văn T1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại thôn K xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái vào ngày 11/6/2024, Công an huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang đã có văn bản đề nghị Công an huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSQB ngày 28/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang đã truy tố Trần Văn T1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Văn T2 và Hoàng Thế N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; các bị cáo Nguyễn Văn T2 và Hoàng Thế N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 24 đến 30 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 18 đến 24 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thế N từ 15 đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền mà bị cáo Trần Văn T1 có được do bán ma túy; ma túy và vỏ bao gói còn lại sau khi giám định, vật chứng khác là công cụ, phương tiện cho bị cáo Trần Văn T1 mua bán trái phép chất ma túy thì cần tịch thu, tiêu hủy; trả lại điện thoại là tài sản cá nhân cho bị cáo Hoàng Thế N.

Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn T1, Nguyễn Văn T2, Hoàng Thế N đều thừa nhận đã thực hiện các hành vi như trong Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, vật chứng, các kết luận giám định cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo Trần Văn T1 đã có hành vi bán 01 gói ma túy loại Heroine cho Nguyễn Văn T2 được 300.000 đồng; tàng trữ với mục đích bán để kiếm lời 0,046g *(không phẩy không trăm bốn mươi sáu gam)* ma túy loại Heroine và 0,506g *(không phẩy năm trăm linh sáu gam)* nhựa thuốc phiện. Còn Nguyễn Văn T2 sau khi mua ma túy, đã lấy một phần ma túy ra cùng Hoàng Thế N sử dụng, sau đó Nguyễn Văn T2 chia số ma túy còn lại thành 02 gói nhỏ, Hoàng Thế N biết Nguyễn Văn T2 tàng trữ ma túy loại Heroine nhưng vẫn sử dụng xe mô tô BKS 21C1 - 335.11 điều khiển chở Nguyễn Văn T2 cùng 02 gói ma túy Heroine có tổng khối lượng 0,350g *(không phẩy ba trăm năm mươi gam)* để đi về nhà; mục đích tàng trữ ma túy để cùng sử dụng. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an T2 xã hội.

[4] Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Trần Văn T1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù; các bị cáo Nguyễn Văn T2 và Hoàng

Thế N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo Trần Văn T1, Nguyễn Văn T2 đều có nhân thân xấu; còn bị cáo Hoàng Thế N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Nguyễn Văn T2 có bố là thương binh nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Trong vụ án này Nguyễn Văn T2 và Hoàng Thế N là người nghiện chất ma túy, N biết Nguyễn Văn T2 tàng trữ chất ma túy trên người mà vẫn dùng phương tiện để chở T2 cùng 02 gói ma túy Heroine đi về nhà, do đó Hoàng Thế N là đồng phạm với Nguyễn Văn T2 về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy với vai trò giúp sức.

[9] Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khoẻ, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nên cần được nghiêm trị, lên một mức án tù tương xứng với hành vi và vai trò của mỗi bị cáo, mới bảo đảm cho việc phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với tệ nạn ma túy.

[10] Các bị cáo là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định; số tiền bán ma túy bị cáo Trần Văn T1 thu được là ít và đã bị thu giữ; do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang đã trả xe mô tô BKS 21C1 - 335.11 cho Bùi Thị C2 do không liên quan đến vụ án. Cần tịch thu sung quỹ nhà nước 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bị cáo Trần Văn T1 có được do bán ma túy. Ma túy và vỏ bao gói còn lại sau khi giám định, vật chứng khác là công cụ, phương tiện cho bị cáo Trần Văn T1 mua bán trái phép chất ma túy thì cần tịch thu, tiêu hủy. Trả lại điện thoại là tài sản cá nhân cho Hoàng Thế N.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[13] Người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; các bị cáo Nguyễn Văn T2 và Hoàng Thế N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T1 24 (hai mươi bốn) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ - ngày 12/6/2024.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 18 (mười tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ - ngày 11/6/2024.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thế N 15 (mười lăm) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ - ngày 11/6/2024.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Tịch thu của bị cáo Trần Văn T1 số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Số tiền này thể hiện trong Biên bản giao nhận tài sản số 11/2024/KBQB ngày 01/8/2024 giữa Công an huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang và Kho bạc Nhà nước huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

3.2. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- Một phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ghi "Mẫu hoàn lại sau giám định ký hiệu A1, A1.1, A4, A5". Mặt sau phong bì có 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong.

- Một phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ghi "Vỏ bao gói sau giám định". Mặt sau phong bì có 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong.

- 01 phong bì đã mở niêm phong, bên trong chứa vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ của Nguyễn Văn T2, Hoàng Thế N ngày 11/6/2024.

- 01 phong bì đã mở niêm phong, bên trong chứa vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ của Trần Văn T1 ngày 11/6/2024.

- 01 (một) cuộn giấy bạc màu trắng.

- 01 (một) chiếc cân tiểu ly nhãn hiệu POCKET SCALE.

3.3. Trả lại cho Hoàng Thế N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4, có số IMEI (khe 1): 353793103140920, số IMEI (khe 2): 353794103140929, loại điện thoại cảm ứng, vỏ màu xanh, màn hình bị vỡ nứt. Điện thoại lắp 01 sim, trên sim có dãy số 89840810008709048496. Điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Chi tiết các vật chứng còn lại thể hiện trong Biên bản Giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang ngày 28/8/2024.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 6, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Văn T1, Nguyễn Văn T2, Hoàng Thế N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự, trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mai Hồng